



Trước hết nói về vốn ai cũng phải thừa nhận rằng trong kinh doanh, để tạo ra lợi nhuận trước hết phải có vốn. Trong nền kinh tế thị trường, vốn tồn tại ở nhiều dạng: tài sản, tiền, sức lao động... và có nhiều nguồn vốn khác nhau: vốn do ngân sách nhà nước cấp, vốn vay, vốn tự có của doanh nghiệp, vốn do ngân sách nhà nước cấp vốn vay, vốn tự có của doanh nghiệp, vốn cổ phần, vốn liên doanh liên kết... Tất cả các doanh nghiệp muốn sản xuất kinh doanh đều phải tìm kiếm và khai thác nguồn vốn từ nhiều con đường khác nhau, trong đó vốn vay ngân hàng là một trong số nguồn vốn của doanh nghiệp.

Tình hình thực tế hiện nay cho thấy rằng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chưa cao, chưa đủ sức cạnh tranh và thích nghi với cơ chế thị

trường, ngày càng xuất hiện nhiều doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, tình trạng nợ nần dây dưa kéo dài, kể cả nợ ngân sách, nợ chiếm dụng vốn lẫn nhau là phổ biến.

Từ kinh doanh thua lỗ, nợ nần dây dưa khó đòi dẫn đến khả năng tự tích lũy của các doanh nghiệp rất hạn chế, tái đầu tư đổi mới thiết bị thấp, chất lượng sản phẩm kém nên gặp khó khăn trong tiêu thụ và cạnh tranh trên thị trường. Điều đó nói lên tình hình tài chính của các doanh nghiệp là không lành mạnh, mặt khác việc cấp tín dụng đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, vấn đề này xuất phát từ ngân hàng chưa tìm ra một hệ thống các kỹ thuật cho vay thích hợp đối với các doanh nghiệp.

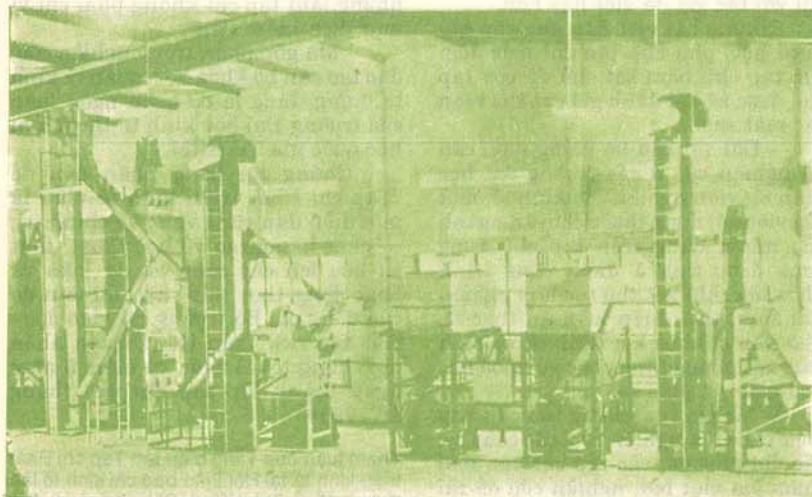
Một nguyên tắc để ngân hàng cấp tín dụng cho doanh nghiệp là ở

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ

VỐN TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Thạc sĩ NGÔ GIA LƯU

sự tín nhiệm của ngân hàng đối với doanh nghiệp đó, ở sự tin tưởng sẽ thu hồi được vốn và lãi đúng hạn. Tuy nhiên để đánh giá một doanh nghiệp có đủ tín nhiệm để cấp tín dụng hay không, điều đó tùy thuộc vào lượng thông tin mà ngân hàng thu thập được về hoạt động của doanh nghiệp. Hiện nay một thực trạng cần được khắc phục ở hầu hết các ngân hàng, thông tin về khách hàng thiếu đầy đủ, hầu hết các cán bộ tín dụng khi xem xét cho vay, nếu có thu thập thông tin, thì chỉ là những thông tin được gói gọn trong hợp đồng cho vay, còn những thông tin khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp nhất là hoạt động tài chính thì không nghiên cứu đầy đủ dẫn đến tình trạng những doanh nghiệp đáng được cấp tín dụng thì không được cấp, những doanh nghiệp tình hình tài chính tồi tệ lại được xét duyệt cấp dẫn đến tình



trạng ngân hàng không thu hồi được nợ.

Tình hình trên cho thấy là các chính sách của nhà nước về bảo đảm vốn, về lãi suất tín dụng chưa nhất quán, tình trạng còn của quyền, kinh doanh lấy lãi đơn thuần của nhiều cơ sở ngân hàng còn gây khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp. Vậy nhà nước cần ban hành chính sách về bảo đảm vốn, về lãi suất tín dụng nhất quán và ngân hàng cần xem xét lại vai trò của công tác phân tích hoạt động của doanh nghiệp trong việc thiết lập quan hệ tín dụng để ngân hàng trở thành người cố vấn đáng tin cậy cho doanh nghiệp trong đầu tư kinh doanh.

Trong hoạt động của doanh nghiệp nếu chúng ta so sánh mức lãi suất tín dụng cho vay với chỉ số lạm phát hiện nay và tỷ suất lợi nhuận bình quân của doanh nghiệp thì thấy rằng lãi suất tín dụng chưa theo sát với chỉ số lạm phát, lãi suất còn cao so với tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp. Hiện nay lãi suất tín dụng vốn lưu động là 1,4%/tháng tương đương 16,8%/năm trong khi đó tỷ suất lợi nhuận bình quân của các doanh nghiệp là 12%/năm. Điều này cũng có tác động tiêu cực trong mối quan hệ tín dụng giữa các ngân hàng thương mại và các doanh nghiệp. Tác động tiêu cực phải thừa nhận có từ hai phía: ở người cung vốn là ngân hàng thể hiện chính sách lãi suất chưa linh hoạt, các hoạt động tín dụng chưa đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Còn ở phía người cầu vốn là các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhà nước chưa cải tiến để nâng cao hiệu quả kinh doanh thực sự. Mặt khác vấn đề vốn không chỉ riêng ngành ngân hàng giải quyết mà cần có sự giúp đỡ của chính phủ và các ban ngành chức năng nhằm tạo ra được chính sách tài chính, tín dụng, ngân hàng hữu hiệu hơn làm điều kiện thực sự cho hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển nền kinh tế. Vì doanh nghiệp nhà nước thuộc sở hữu nhà nước, nhà nước thành lập từ ngân sách, phải đảm bảo được các nguồn vốn tự có để hoạt động thay vì phải đi vay quá nhiều.

Trong thời gian vừa qua hoạt động của hệ thống tín dụng ngân hàng ở nước ta đã có nhiều đổi mới, các ngân hàng thương mại thực sự chuyển sang kinh doanh, công tác tín dụng từng bước chuyển theo cơ chế hạch toán kinh doanh, chính sách lãi suất được thay đổi cho phù hợp với mức độ lạm phát và tình hình phát triển kinh tế của từng thời kỳ. Các ngân hàng thương mại quốc doanh đã chăm lo đến nguồn vốn tín dụng (vốn tiền gửi tiết kiệm của các tầng lớp dân cư, vốn tiền gửi của các tổ chức

kinh tế, phát hành các loại chứng chỉ có kỳ hạn...) đã dần dần khắc phục được tính ỷ lại dựa vào nguồn vốn phát hành của ngân hàng nhà nước. Song song với ngân hàng thương mại quốc doanh, nhà nước đã cho phép các ngân hàng thương mại tư nhân, cổ phần ra đời, cho phép các ngân hàng liên doanh với ngân hàng nước ngoài, các ngân hàng nước ngoài có văn phòng đại diện hoạt động tại VN... đã tạo ra được sự cạnh tranh lành mạnh giữa các thành phần kinh tế, giữa các ngân hàng thương mại với nhau. Điều này làm cho các ngân hàng thương mại chú ý quan tâm đến mục tiêu hiệu quả kinh tế khi cho vay, từng bước mở rộng phục vụ cho các doanh nghiệp kể cả các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (tư nhân, cá thể...).

Tuy nhiên các hoạt động tín dụng và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp còn những mặt tồn tại và hạn chế đó là:

Thứ 1: Hoạt động tín dụng chưa gắn liền với kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân thể hiện ở chỗ chưa mở rộng tín dụng trung hạn, dài hạn nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế của đất nước (như danh mục các dự án, nguồn cung cấp, kế hoạch các nguồn cung cấp tín dụng trong và ngoài nước cho các dự án...).

Thứ 2: Hệ thống ngân hàng thương mại quốc doanh hoạt động tín dụng còn kém hiệu quả do chưa thoát khỏi tình trạng bao cấp tài chính cho các doanh nghiệp nhà nước. Ngân hàng còn thiếu cương quyết trong việc từ chối những đối tượng doanh nghiệp không đáng tin cậy, quản lý tín dụng còn yếu, cho vay không có vật tư bảo đảm, không tôn trọng nguyên tắc tín dụng, bảo lãnh do nguyên tắc, tình trạng cho vay tiền mặt còn phổ biến dẫn đến mất vốn hoặc chiếm dụng vốn của nhau khá lớn.

Thứ 3: Chính sách lãi suất chưa thể hiện rõ vai trò là đòn bẩy kinh tế, chưa thực sự trở thành công cụ điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô. Chính sách lãi suất có thay đổi nhưng thay đổi còn chậm so với biến động của giá cả và hiện nay còn trên mức chịu đựng của nhiều ngành kinh tế (cao hơn khả năng sinh lời của đồng vốn).

Thứ 4: Chính sách tín dụng chưa thể hiện sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế thể hiện ở chỗ các doanh nghiệp nhà nước được ưu đãi về các hình thức tín dụng, được vay nhiều hơn với mức lãi suất ưu đãi hơn.

Thứ 5: Trình độ nghiệp vụ của cán bộ ngân hàng hiện còn chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới nền kinh tế nhất là các ngân hàng thương mại quốc doanh quận, huyện. Thủ tục vay vốn ngân hàng còn rườm rà gây khó

khăn đối với khách hàng và thường còn chậm trễ so với yêu cầu thời gian cần cấp vốn sản xuất kinh doanh.

Thứ 6: Cải tạo và đổi mới hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước còn quá chậm, nhiều doanh nghiệp nhà nước ra đời không có vốn, phải đi vay với lãi suất cao hơn khả năng sinh lời, khó có khả năng trả nợ lãi suất dẫn đến thua lỗ ngày càng thua lỗ.

Thứ 7: Doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả hoặc hiệu quả thấp trong lúc nhà nước lại không bảo đảm vốn. Theo các chuyên gia phân tích tài chính quốc tế thì tỷ lệ vốn nợ trên vốn có phải nhỏ hơn hoặc bằng 1 thì tình hình tài chính của doanh nghiệp mới được coi là lành mạnh. Hiện nay nhiều doanh nghiệp nhà nước của ta vốn nợ/vốn có lớn hơn 1 thậm chí bằng 2, bằng 3. Điều này có tác động xấu đến hoạt động tín dụng (khó thu nợ).

Thứ 8: Doanh nghiệp nhà nước chưa xác định rõ mối quan hệ sở hữu, cũng như trách nhiệm tài chính của các doanh nghiệp dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp cùng một chủ sở hữu, cùng chủ sở hữu với ngân hàng thương mại quốc doanh là sở hữu nhà nước, cho nên dẫn đến tình trạng chiếm dụng vốn lẫn nhau hoặc nợ quá hạn, nợ khó thanh toán với ngân hàng và người chủ của nó là ngân sách nhà nước phải gánh chịu, khó phân xử giữa chủ nợ và con nợ.

Thể hiện được những vấn đề về mối quan hệ vốn tín dụng, lãi suất tín dụng với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong nền kinh tế đang trong giai đoạn chuyển tiếp từ cơ chế kinh tế tập trung sang cơ chế kinh tế thị trường là 1 quá trình phức tạp, vì vậy hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại còn hạn chế và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp còn kém hiệu quả.

Trong quá trình tìm hiểu thực trạng và nâng cao chất lượng quan hệ tín dụng giữa các ngân hàng thương mại với các doanh nghiệp là 1 vấn đề bức xúc và quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả hoạt động của cả doanh nghiệp lẫn ngân hàng. Việc đổi mới quan hệ tín dụng giữa các ngân hàng thương mại với các doanh nghiệp cũng được coi là khâu quan trọng trong quá trình chấn chỉnh và đổi mới hoạt động của ngân hàng và sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế ■